

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Xứng

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang**

- Bị đơn: Bà **LUONG LINDA TO**, sinh năm 1969

Địa chỉ: **A G St L, USA.**

(Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2024 và bản tự khai ngày 28/02/2024 ông **Nguyễn Văn T** trình bày:*

Năm 2012 ông và bà LUONG LINDA TO quen biết nhau, sau khi tìm hiểu hai bên nảy sinh tình cảm, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống tại Việt Nam được 01 tháng thì bà LUONG LINDA TO quay về Mỹ, ông T ở lại Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng ông còn liên lạc nhau qua điện thoại. Đến năm 2019 vợ chồng bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, hồ sơ bảo lãnh không thành nên vợ chồng mỗi người sống một nơi, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, ông T đã cố hàn gắn nhưng không thành. Nay ông T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà LUONG LINDA TO.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà LUONG LINDA TO trình bày tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 15/01/2024: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông T trình bày. Quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Hiện nay bà đang sống tại Mỹ, còn ông T thì ở Việt Nam. Vì vậy giữa bà và ông T không thể đoàn tụ, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà LUONG LINDA TO đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà LUONG LINDA TO.

[2]. Về nội dung: Ông Nguyễn Văn T và bà LUONG LINDA TO quen biết tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện kết hôn; ông, bà thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 09/11/2017. Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà LUONG LINDA TO là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn T và ông bà LUONG LINDA TO là do quá trình chung sống ông bà có mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, hồ sơ bảo lãnh không thành nên vợ chồng mỗi người sống một nơi, quan điểm sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn yêu thương quan tâm với nhau. Hiện tại ông T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông bà LUONG LINDA TO nên yêu cầu được ly hôn và bà LUONG LINDA TO đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà LUONG LINDA TO đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà LUONG LINDA TO.

Về con chung: Ông T và bà LUONG LINDA TO không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà LUONG LINDA TO đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà LUONG LINDA TO.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà LUONG LINDA TO không có con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0005567 ngày 17/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Riêng bà LUONG LINDA TO có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chọn